TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/DS-ST
Ngày: 28-6-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Du.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Đình Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa*: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu G, sinh năm 1983; địa chỉ: số X, đường BQK, tổ X1, khu phố X2, phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Thái Thị T, sinh năm 1964; địa chỉ: số X3 đường X4, khu phố X5, phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2022, Đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 13/6/2023, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn bà Lê Thị Thu G trình bày:

Bà Thái Thị T và bà Lê Thị Thu G có mối quan hệ quen biết nhau. Ngày 01/9/2020, bà Thái Thị T có vay bà Lê Thị Thu G số tiền 535.000.000 đồng. Thời hạn vay tiền từ ngày 01/9/2020 đến ngày 01/9/2023; lãi suất thỏa thuận 10.000.000 đồng/tháng. Các bên có ký hợp đồng vay tiền và đồng thời có lập vi bằng để làm chứng sự kiện bà Thái Thị T vay tiền của bà Lê Thị Thu G. Bà Thái Thị T đã nhận số tiền 535.000.000 đồng từ bà Lê Thị Thu G. Tuy nhiên, kể từ ngày bà Thái Thị T nhận tiền của bà Lê Thị Thu G, bà Thái Thị T không trả tiền lãi theo thoả thuận, mặc dù bà Lê Thị Thu G đã cố gắng nhiều lần để liên hệ để yêu cầu bà Thái Thị T đóng lãi và thanh toán tiền lãi nhưng lại không liên hệ được. Bà Lê Thị Thu G có đến nhà của bà Thái Thị T để yêu cầu nhưng bà Thái Thị T không đồng ý gặp bà Lê Thị Thu G và bà Lê Thị Thu G cho rằng bà Thái Thị T đang cố ý chuyển nhượng hết tài sản của riêng bà Thái Thị T nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả lãi cho

bà Lê Thị Thu G mặc dù bà Lê Thị Thu G đã nhiều lần gửi văn bản thông báo cho bà T. Do đó bà G xác định bà Thái Thị T đã vi phạm thoả thuận hợp đồng vay tiền giữa hai bên. Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm hại nghiêm trọng, bà Lê Thị Thu G yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết các yêu cầu sau:

- Buộc bà Thái Thị T có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị Thu G số tiền 535.000.000 đồng.

- Buộc bà Thái Thị T có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị Thu G số tiền lãi tính từ ngày 01/9/2020 đến ngày 01/6/2023 như sau: tiền gốc 535.000.000 đồng × 1,5% × 33 tháng = 264.825.000 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu là 799.825.000 đồng.

Về việc bà T cho rằng giữa bà G và bà T có quan hệ làm ăn góp vốn làm trường do bà T làm chủ trường, bà G làm giáo viên nhưng bà G không đồng ý với trình bày của bà T về việc cho rằng đã trả bà G 500.000.000 đồng bằng việc ủy quyền sang nhượng trường mầm non Thế Giới TT cho Tập đoàn giáo dục AT vì việc vay số tiền 535.000.000 đồng của bà T là độc lập, không liên quan đến hợp đồng hùn làm trường. Việc góp vốn làm trường bà G có ký với bà T 01 hợp đồng riêng ngày 01/7/2020, số tiền hùn 325.000.000 đồng. Bà G không yêu cầu giải quyết việc góp vốn giữa bà G và bà T trong vụ án này.

Bị đơn bà Thái Thị T trình bày:

Về việc ký kết hợp đồng vay tiền ngày 01/9/2020 giữa bà Lê Thị Thu G và bà Thái Thị T. Bà Thái Thị T thừa nhận có ký, ghi rõ họ tên, lăn tay của bà T trong hợp đồng. Số tiền vay là 535.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 năm kể từ ngày 01/9/2020 đến ngày 01/9/2023, lãi suất thỏa thuận là 10.000.000 đồng/tháng.

Thực hiện hợp đồng, bà T đã nhận số tiền 535.000.000 đồng, tuy nhiên bà T chưa trả lãi cho Giàu được lần nào vì công việc làm ăn của bà T thua lỗ.

Bà T xác định chứng cứ do bà G cung cấp là Hợp đồng vay tiền ngày 01/9/2020, số tiền gốc 535.000.000 đồng giữa bà Lê Thị Thu G và bà Thái Thị T, bà T thừa nhận là có vay của bà G số tiền nhưng mục đích vay là bà G trình bày là không đúng, việc vay tiền của bà T là bà G hùn làm trường mầm non Thế Giới TT do bà T làm chủ đầu tư, không phải là tiền bà T vay để chi tiêu cá nhân.

Tuy nhiên, ngày 25/01/2021, bà Thái Thị T đã trả cho bà Lê Thị Thu G số tiền 500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng) do bà Thái Thị T sang nhượng trường cho Tập đoàn giáo dục AT ở Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Thái Thị T uỷ quyền để trả cho bà G hết xem như bà Thái Thị T đã trả nợ cho bà Lê Thị Thu G được 500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng). Chỉ còn nợ lại 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng). Do sơ suất nên bà Thái Thị T chưa thu hồi giấy nợ (Bản chính). Việc bà G đã nhận hết 500.000.000 đồng từ Tập đoàn AT chưa thì bà T không biết, không có ý kiến do khi sang nhượng trường thì bà G cung cấp số tài khoản của bà G cho Tập đoàn AT để thanh toán bằng hình thức chuyển khoản. Số tiền bà T còn nợ lại bà G là 35.000.000 đồng, khi nào có điều kiện bà T sẽ trả.

Về tiền lãi bà G yêu cầu là 264.825.000 đồng đồng, bà T không đồng ý trả vì việc hùn làm ăn thua lỗ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị Thu G khởi kiện bà Thái Thị T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đồng thời bị đơn có nơi cư trú phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương nên đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nội dung các đương sự thống nhất: Bà G yêu cầu bà T trả tiền vay là 535.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Bà T thừa nhận việc ký kết hợp đồng vay tiền ngày 01/9/2020 và các nội dung trong hợp đồng cũng như việc có nhận của bà G số tiền 535.000.000 đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Về hình thức của hợp đồng: "Hợp đồng vay tiền" ngày 01/9/2020 được lập thành văn bản có chữ ký và ghi rõ họ tên, lăn tay của bên A là Lê Thị Thu G, bên B là Thái Thị T và nội dung "chúng tôi đã đọc và đồng ý" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Về nội dung hợp đồng: Các thoả thuận trong giấy mượn tiền đã ký không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội do đó hợp đồng vay tài sản ngày 01/9/2020 có giá trị thi hành đối với các bên. Thực hiện hợp đồng vay, bà G đã giao cho bà T 535.000.000 đồng vào ngày 01/9/2020, (thời hạn vay là 03 năm kể từ ngày 01/9/2020 đến 01/9/2023), lãi suất thỏa thuận là 10.000.000 đồng/tháng. Do đó, hợp đồng giữa các bên được xác định là loại hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi.

Nguyên đơn cho rằng từ khi vay tiền đến nay, bị đơn chưa trả tiền gốc, lãi theo thỏa thuận. Bà T trình bày việc vay tiền mục đích là bà G góp vốn làm chung trường mầm non Thế Giới TT và khi sang nhượng trường được 500.000.000 đồng thì bà T đã ủy quyền cho bà G nhận tiền sang nhượng; xem như bà Thái Thị T đã trả nợ cho bà G được 500.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 35.000.000 đồng. Nhận thấy tại Điều 3 của Hợp đồng vay tiền ngày 01/9/2020 (bút lục 09) thể hiện mục đích vay mượn là sử dụng chi tiêu cá nhân, việc góp vốn của bà G và bà T thể hiện tại Biên bản xác nhận phần vốn góp là là 325.000.000 đồng (bút lục 67). Và theo Giấy ủy quyền ngày 25/01/2021 của bà T cho bà G thì việc ủy quyền nhận tiền sang nhượng trường mầm non không có nội dung nào thể

hiện có liên quan đến việc vay tài sản giữa hai bên nên không có giá trị chứng minh là đã trả tiền. Do đó, trình bày của bà T là không có cơ sở. Từ những phân tích trên, căn cứ xác định bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà G đối với số tiền gốc 535.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.4] Đối với tiền lãi: Tại thỏa thuận về tiền lãi trong hợp đồng thể hiện 10.000.000 đồng/tháng tương đương lãi suất 1,86%/tháng là vượt quá mức lãi suất theo quy định. Tuy nhiên, bà G chưa nhận được tiền lãi của bà T. Nay, bà G yêu cầu tiền lãi tính từ ngày 01/9/2020 đến ngày 01/6/2023 như sau: tiền gốc 535.000.000 đồng × 1,5% × 33 tháng = 264.825.000 đồng. Thời gian bà T vi phạm nghĩa vụ và mức lãi suất bà G yêu cầu là 1,5% không vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự nên có căn cứ chấp nhận.

[2.5] Đối với việc góp vốn của bà Lê Thị Thu G và Thái Thị T, nhận thấy giao dịch dân sự này không liên quan đến hợp đồng vay tài sản giữa các bên. Vì thế các đương sự có quyền khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.6] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà T có nghĩa vụ thanh toán cho bà G số tiền nợ gốc là 535.000.000đ (năm trăm ba mươi lăm triệu đồng), tiền lãi là 264.825.000đ (hai trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng), tổng cộng là 799.825.000đ (bảy trăm chín mươi chín triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 35.993.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu G đối với bà Thái Thị T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Thái Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Thu G số tiền nợ gốc là 535.000.000đ (năm trăm ba mươi lăm triệu đồng), tiền lãi là 264.825.000đ (hai trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng), tổng cộng là 799.825.000đ (bảy trăm chín mươi chín triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị Thu G không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà G số tiền 18.525.000đ (mười tám triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2021/0002468 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Buộc bà Thái Thị T phải chịu 35.993.000đ (ba mươi lăm triệu chín trăm chín mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạo